



**Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ –
Thương mại Ngọc Nghĩa**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 18 lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV – 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Giám đốc Thương mại & Điều hành
	Bà Đào Thị Thuận	Giám đốc Cung ứng
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Giám đốc Tài chính
	Ông Lê Bá Cường	Giám đốc nhân sự
	Bà Đồng Thị Ngọc Triều	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 73.302.441.346 (2011: 66.500.887.025 VND). Trong năm, Công ty không công bố cổ tức (2011: Không).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Công ty đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo tài chính.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng đính kèm, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



La Văn Hoàng
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (0) 3821 9266
Fax +84 (0) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được trình bày từ trang 4 đến trang 43, được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán: 12-01-208



Nguyễn Ngọc Hào
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0866/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0436/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		785.088.827.992	766.196.268.445
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.482.543.455	23.623.139.591
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	530.985.619.136	390.830.619.136
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	177.853.670.488	269.849.034.644
Phải thu khách hàng	131		68.440.525.884	219.243.914.194
Trả trước cho người bán	132		2.426.455.344	1.008.432.020
Các khoản phải thu khác	135		106.986.689.260	49.596.688.430
Hàng tồn kho	140	8	47.861.002.195	79.388.592.734
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.905.992.718	2.504.882.340
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.016.765.321	2.504.882.340
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.868.750.483	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		20.476.914	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		892.443.435.129	905.686.203.395
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.917.820.623	10.162.277.500
Tài sản cố định	220		527.968.880.089	565.427.533.267
Tài sản cố định hữu hình	221	9	133.097.353.462	225.958.089.776
Nguyên giá	222		333.029.262.665	488.769.295.152
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(199.931.909.203)	(262.811.205.376)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	164.760.957.518	111.663.456.836
Nguyên giá	225		197.840.044.133	143.044.979.305
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(33.079.086.615)	(31.381.522.469)
Tài sản cố định vô hình	227	11	219.525.384.311	220.525.317.168
Nguyên giá	228		225.221.754.638	225.221.754.638
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.696.370.327)	(4.696.437.470)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	10.585.184.798	7.280.669.487
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		357.085.724.000	327.685.724.000
Đầu tư vào công ty con	251	13	357.085.724.000	327.685.724.000
Tài sản dài hạn khác	260		471.010.417	2.410.668.628
Chi phí trả trước dài hạn	261		471.010.417	525.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	-	1.885.668.628
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.677.532.263.121	1.671.882.471.840

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		807.323.811.583	874.976.461.648
Nợ ngắn hạn	310		641.707.928.953	711.801.882.046
Vay ngắn hạn	311	15	486.035.413.885	562.887.616.656
Phải trả người bán	312	16	101.123.815.203	92.754.565.746
Người mua trả tiền trước	313		34.929.862.890	2.958.215.568
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	17	447.581.529	11.657.356.661
Phải trả người lao động	315		11.518.100	46.586.148
Chi phí phải trả	316	18	13.111.275.980	14.760.821.509
Các khoản phải trả khác	319	19	4.065.074.514	24.749.332.906
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.983.386.852	1.987.386.852
Vay và nợ dài hạn	330		165.615.882.630	163.174.579.602
Vay và nợ dài hạn	334	20	165.615.882.630	163.174.579.602
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		870.208.451.538	796.906.010.192
Vốn chủ sở hữu	410	21	870.208.451.538	796.906.010.192
Vốn cổ phần	411	22	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(780.000)	(780.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418	23	10.973.114.162	10.973.114.162
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	23	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối	420		289.643.613.527	216.341.172.181
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.677.532.263.121	1.671.882.471.840

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

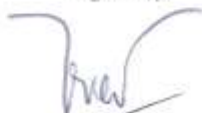
Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ		
+ USD	16.163	227.420
+ EUR	588	612
+ GBP	165	165
+ CHF	-	28.004

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:

La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	24	1.685.007.095.150	1.728.586.871.322
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	545.729.372	6.743.346.104
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	24	1.684.461.365.778	1.721.843.525.218
Giá vốn hàng bán	11	25	1.496.818.746.681	1.482.237.758.513
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		187.642.619.097	239.605.766.705
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	59.291.757.653	46.158.074.874
Chi phí tài chính	22	27	85.014.859.526	131.491.432.318
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>83.095.990.366</i>	<i>122.759.466.011</i>
Chi phí bán hàng	24		35.310.195.934	35.258.240.121
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		46.489.216.782	44.838.455.795
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		80.120.104.508	74.175.713.345
Thu nhập khác	31	28	118.039.497.012	46.689.365.140
Chi phí khác	32	29	104.664.177.459	37.980.968.037
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		13.375.319.553	8.708.397.103
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		93.495.424.061	82.884.110.448
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	18.307.314.087	16.917.141.660
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	1.885.668.628	(533.918.237)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		73.302.441.346	66.500.887.025
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.403	1.294

Người lập:

 Đông Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Lê Văn Hoàng
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		93.495.424.061	82.884.110.448
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		48.043.675.130	53.628.097.885
Các khoản dự phòng	03		-	179.046.000
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(177.836.123)	1.536.954.924
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(68.561.886.254)	(51.635.491.347)
Chi phí lãi vay	06		83.095.990.366	122.759.466.011
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		155.895.367.180	209.352.183.921
Biến động các khoản phải thu	09		150.176.227.321	35.463.089.938
Biến động hàng tồn kho	10		31.527.590.539	18.392.726.202
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		15.041.997.131	45.786.537.660
Biến động chi phí trả trước	12		(3.457.893.398)	4.157.812.868
			349.183.288.773	313.152.350.589
Tiền lãi vay đã trả	13		(84.418.701.186)	(120.739.086.680)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(25.318.378.572)	(17.387.132.189)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.000.000)	(2.403.962.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		239.442.209.015	172.622.169.720
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.831.485.068)	(32.784.061.635)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		112.505.873.883	44.170.408.963
Tiền cho các công ty con vay			(163.555.000.000)	(392.500.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho các công ty con vay			23.400.000.000	70.100.000.000
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(29.400.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay	27		791.625.251	2.511.511.728
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(61.088.985.934)	(308.502.140.944)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã	Thuyết	2012	2011
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	125.893.480.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.496.026.668.038	1.431.786.302.388
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.593.801.462.833)	(1.416.922.898.577)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(84.719.938.509)	(34.137.416.290)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(182.494.733.304)	106.619.467.521
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(4.141.510.223)	(29.260.503.703)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		23.623.139.591	52.883.643.294
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		914.087	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	19.482.543.455	23.623.139.591

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng



Người duyệt:

La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 438 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 541 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó hợp nhất các báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| • nhà cửa | 5 – 25 năm |
| • thiết bị văn phòng | 5 – 8 năm |
| • máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu tính tại thời điểm bắt đầu thuê trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong một hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

(b) Báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.545.805.362.836	1.637.205.273.876	138.656.002.942	84.638.251.342	1.684.461.365.778	1.721.843.525.218
Tài sản bộ phận	1.677.532.263.121	1.671.882.471.840	-	-	1.677.532.263.121	1.671.882.471.840
Chi tiêu vốn	4.831.485.068	32.784.061.635	-	-	4.831.485.068	32.784.061.635

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	331.495.782	112.774.932
Tiền gửi ngân hàng	19.151.047.673	21.550.364.659
Các khoản tương đương tiền	-	1.960.000.000
	19.482.543.455	23.623.139.591

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cho các công ty con vay	530.985.619.136	390.830.619.136

Khoản cho các công ty con vay không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 9% đến 17% (2011: 17% đến 20%).

7. Phải thu ngắn hạn

Trong phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu các bên liên quan sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	24.956.112.559	90.468.191.072

Khoản thương mại phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi suất và có thời hạn hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thu nhập tiền lãi phải thu từ các công ty con	98.971.636.961	41.646.932.086
Phải thu khác	8.015.052.299	7.949.756.344
	106.986.689.260	49.596.688.430

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi đường	-	28.345.389.444
Nguyên vật liệu	32.873.890.580	30.263.036.178
Công cụ và dụng cụ	1.459.218.718	2.446.330.448
Sản phẩm dở dang	534.415.804	4.640.049.074
Thành phẩm	12.609.318.248	13.255.035.415
Hàng hóa	384.158.845	438.752.175
	47.861.002.195	79.388.592.734

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	29.813.588.612	8.713.920.398	438.631.782.044	11.610.004.098	488.769.295.152
Tăng trong năm	-	309.250.087	393.998.274	-	703.248.361
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	46.805.390.168	4.913.903.900	51.719.294.068
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	814.721.397	8.999.999	823.721.396
Thanh lý	-	(355.588.991)	(206.703.514.712)	(1.927.192.609)	(208.986.296.312)
Phân loại lại	-	(1.423.163.003)	1.423.163.003	-	-
Số dư cuối năm	29.813.588.612	7.244.418.491	281.365.540.174	14.605.715.388	333.029.262.665
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.836.755.109	3.167.987.049	244.346.053.398	5.460.409.820	262.811.205.376
Khao hao trong năm	1.531.029.234	1.314.544.684	27.089.022.118	1.255.828.289	31.190.424.325
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	10.789.916.624	2.384.694.762	13.174.611.386
Thanh lý	-	(302.098.955)	(105.651.071.610)	(1.291.161.319)	(107.244.331.884)
Phân loại lại	-	(1.006.437.022)	1.006.437.022	-	-
Số dư cuối năm	11.367.784.343	3.173.995.756	177.580.357.552	7.809.771.552	199.931.909.203
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	19.976.833.503	5.545.933.349	194.285.728.646	6.149.594.278	225.958.089.776
Số dư cuối năm	18.445.804.269	4.070.422.735	103.785.182.622	6.795.943.836	133.097.353.462

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 94.159 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 31.057 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 113.518 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 207.285 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	138.131.075.405	4.913.903.900	143.044.979.305
Tăng trong năm	69.032.681.458	-	69.032.681.458
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	40.098.057.216	-	40.098.057.216
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(46.805.390.168)	(4.913.903.900)	(51.719.294.068)
Thanh lý	(2.616.379.778)	-	(2.616.379.778)
Số dư cuối năm	197.840.044.133	-	197.840.044.133
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	29.413.966.226	1.967.556.243	31.381.522.469
Khấu hao trong năm	15.436.179.429	417.138.519	15.853.317.948
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.789.916.624)	(2.384.694.762)	(13.174.611.386)
Thanh lý	(981.142.416)	-	(981.142.416)
Số dư cuối năm	33.079.086.615	-	33.079.086.615
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	108.717.109.179	2.946.347.657	111.663.456.836
Số dư cuối năm	164.760.957.518	-	164.760.957.518

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được đúng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	223.271.298.600	1.950.456.038	225.221.754.638
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.066.294.562	630.142.908	4.696.437.470
Khấu hao trong năm	547.891.561	452.041.296	999.932.857
Số dư cuối năm	4.614.186.123	1.082.184.204	5.696.370.327
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	219.205.004.038	1.320.313.130	220.525.317.168
Số dư cuối năm	218.657.112.477	868.271.834	219.525.384.311

Trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 9.953 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 10.236 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	7.280.669.487	47.050.282.693
Tăng trong năm	44.226.293.923	4.056.886.028
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(823.721.396)	(43.476.191.234)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(40.098.057.216)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(350.308.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.585.184.798	7.280.669.487
	<hr/>	<hr/>
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:		
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phần mềm ERP	7.356.980.546	5.503.726.387
Máy móc	2.707.500.252	-
Khác	520.704.000	1.776.943.100
	<hr/>	<hr/>
	10.585.184.798	7.280.669.487
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Đầu tư vào công ty con

	% sở hữu	31/12/2012 VND	% sở hữu	31/12/2011 VND
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á	95%	52.280.000.000	95%	52.280.000.000
Công ty Cổ phần PET Quốc tế (*)	98%	78.400.000.000	98%	78.400.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	90%	81.000.000.000	90%	81.000.000.000
Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam (**)	99%	116.005.724.000	99%	116.005.724.000
Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế	79%	-	79%	-
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	98%	29.400.000.000	-	-
		<u>357.085.724.000</u>		<u>327.685.724.000</u>

(*) Khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng Vietcombank để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn cấp cho Công ty Cổ phần PET Quốc tế.

(**) Khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng Vietcombank theo mệnh giá 23.388 triệu VND để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn cấp cho Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á

Giấy phép đầu tư số 4503000074 ngày 25 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất, kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế

Giấy phép đầu tư số 4103006864 ngày 8 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất các sản phẩm từ nhựa, buôn bán nguyên liệu hòa chất và các sản phẩm từ nhựa, các loại phụ tùng, khuôn mẫu và thiết bị công nghiệp.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú

Giấy phép đầu tư số 3400811368 ngày 20 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất thủy sản, nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước uống không cồn; sản xuất các sản phẩm nhựa.

Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam

Giấy phép đầu tư số 0301466108 ngày 7 tháng 7 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất các bao bì nhựa.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế

Giấy phép đầu tư số 3901021836 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất các sản phẩm nhựa và cấu kiện kim loại. Công ty sở hữu gián tiếp công ty con này.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu

Giấy phép đầu tư số 452031000179 ngày 24 tháng 5 năm 2012 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính của công ty sản xuất các sản phẩm nhựa và cấu kiện kim loại.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:		
Chi phí phải trả	-	1.885.668.628

15. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	439.631.871.391	518.612.112.419
Vay và nợ dài hạn đến hạn phải trả (thuyết minh 20)	46.403.542.494	44.275.504.237
	<hr/> 486.035.413.885	<hr/> 562.887.616.656

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vietcombank	VND	9,0%-10,0%	276.978.172.336	375.451.105.642
Vietcombank	USD	4,5%-5,5%	72.086.625.338	13.059.156.000
ANZ	VND	16,0%-17,5%	-	32.700.129.000
HSBC	VND	8,0%-9,8%	41.491.509.557	67.318.142.224
HSBC	USD	5,5%	1.075.564.160	17.540.223.553
Ngân hàng Bảo Việt	VND	19,0%-20,0%	-	12.543.356.000
Một công ty liên quan	VND	9,0%	48.000.000.000	-
			439.631.871.391	518.612.112.419

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 56.577 triệu VND và 9.953 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: tài sản cố định hữu hình là 130.850 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 10.236 triệu VND).

16. Phải trả người bán

Trong phải trả thương mại có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả các công ty liên quan	84.835.876.672	51.795.184.515

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	141.344.796	4.230.248.675
Thuế nhập khẩu	14.470.522	67.576.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.990.587.571
Thuế thu nhập cá nhân	291.766.211	368.943.969
	447.581.529	11.657.356.661

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

18. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi vay phải trả	9.028.918.511	10.351.629.331
Lương và thưởng	3.461.629.292	3.933.114.000
Chi phí khác	620.728.177	476.078.178
	13.111.275.980	14.760.821.509

19. Các khoản phải trả khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay không có đảm bảo và không chịu lãi suất từ một công ty con	-	20.000.000.000
Lãi vay phải trả	1.003.500.000	-
Đặt cọc từ khách hàng	1.329.642.205	-
Các khoản phải trả khác	1.731.932.309	4.749.332.906
	4.065.074.514	24.749.332.906

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	(a) 32.930.976.200	51.935.975.586
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(b) 100.000.000.000	100.000.000.000
Nợ thuê tài chính	(c) 79.088.448.924	55.514.108.253
	212.019.425.124	207.450.083.839
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 15)	(46.403.542.494)	(44.275.504.237)
	165.615.882.630	163.174.579.602

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn, trái phiếu và nợ thuê tài chính như sau:

(a) Vay dài hạn

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Indovina	USD	7,5%	2012	-	4.668.359.386
Ngân hàng An Bình	VND	15,5%	2013	105.000.000	262.500.000
Ngân hàng An Bình	VND	15,5%	2014	9.353.230.000	14.233.270.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0%	2014	2.808.889.400	4.212.489.400
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0%	2014	4.843.631.800	7.265.631.800
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0%	2014	1.134.000.000	1.701.000.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0%	2014	68.725.000	102.725.000
Ngân hàng HSBC	VND	13,0%	2015	14.617.500.000	19.490.000.000
				32.930.976.200	51.935.975.586

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ 56.940 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 76.435 triệu VND).

(b) Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đợt 1 (i)	VND	16,0% - 18,0%	2014	50.000.000.000	50.000.000.000
Đợt 2 (ii)	VND	14,8% - 18,0%	2014	50.000.000.000	50.000.000.000
				100.000.000.000	100.000.000.000

i. Trái phiếu công ty không được đảm bảo và không có quyền chuyển đổi có mệnh giá 1 tỷ VND được phát hành vào ngày 20 tháng 5 năm 2009. Các trái phiếu chịu lãi suất năm 13% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai trở đi, lãi suất được tính cao hơn 13% và bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn một năm trung bình của bốn ngân hàng (Vietcombank, BIDV, VBARD và Vietinbank) cộng 4%. Các trái phiếu sẽ được hoàn trả hết vào ngày 20 tháng 5 năm 2014. Từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2012, lãi suất năm là 18% và 16% từ tháng 6 năm 2012.

ii. Trái phiếu công ty không được đảm bảo và không có quyền chuyển đổi có mệnh giá 1 tỷ VND được phát hành vào ngày 1 tháng 7 năm 2009. Các trái phiếu chịu lãi suất năm 13% trong năm đầu tiên; từ năm thứ hai trở đi, lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn một năm trung bình của bốn ngân hàng (Vietcombank, BIDV, VBARD và Vietinbank) cộng 4%. Các trái phiếu sẽ được hoàn trả hết vào ngày 1 tháng 7 năm 2014. Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2012, lãi suất năm là 18% và 16% từ tháng 7 năm 2012.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính trong tương lai như sau:

	31/12/2012 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	41.398.152.745	9.278.750.251	32.119.402.494
Từ hai đến năm năm	57.471.456.840	10.502.410.410	46.969.046.430
	98.869.609.585	19.781.160.661	79.088.448.924
	31/12/2011 VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	33.754.520.567	6.927.859.402	26.826.661.165
Từ hai đến năm năm	33.515.756.643	4.828.309.555	28.687.447.088
	67.270.277.210	11.756.168.957	55.514.108.253

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ tương đương 3.568 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 13.319 triệu VND).

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(78)	(780.000)	(78)	(780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.249.922	522.499.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	52.249.922	522.499.220.000	39.660.574	396.605.740.000
Cổ phiếu phát hành	-	-	12.589.348	125.893.480.000
Số dư cuối năm	52.249.922	522.499.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	30,14%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	18,57%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.586.963	18,26%
Red River Holding	5.637.874	10,74%
Cổ đông khác	11.455.766	22,29%
	<hr/>	
	52.249.922	100%

23. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
Hàng hóa đã bán	1.684.226.610.648	1.711.987.342.521
Dịch vụ đã cung cấp	780.484.502	16.599.528.801
	<hr/>	
	1.685.007.095.150	1.728.586.871.322
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(545.729.372)	(6.743.346.104)
	<hr/>	
Doanh thu thuần	1.684.461.365.778	1.721.843.525.218

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Giá vốn hàng bán

	2012	2011
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	530.025.739.980	1.008.633.960.083
Hàng hóa đã bán	966.112.238.211	452.116.186.200
Dịch vụ đã cung cấp	680.768.490	21.487.612.230
	<hr/>	<hr/>
	1.496.818.746.681	1.482.237.758.513
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	57.797.976.799	44.158.443.814
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.283.454.567	1.682.849.080
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	177.836.123	313.637.136
Doanh thu khác	32.490.164	3.144.844
	<hr/>	<hr/>
	59.291.757.653	46.158.074.874
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	83.095.990.366	122.759.466.011
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.918.869.160	6.821.374.247
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.850.592.060
Chi phí khác	-	60.000.000
	<hr/>	<hr/>
	85.014.859.526	131.491.432.318
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

28. Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	112.505.873.883	44.170.408.963
Thu nhập khác	5.533.623.129	2.518.956.177
	<hr/> 118.039.497.012	<hr/> 46.689.365.140

29. Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	101.741.964.428	36.693.361.430
Chi phí khác	2.922.213.031	1.287.606.607
	<hr/> 104.664.177.459	<hr/> 37.980.968.037

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	18.307.314.087	16.917.141.660
Thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoãn nhập các chênh lệch tạm thời	1.885.668.628	(533.918.237)
	<hr/> 20.192.982.715	<hr/> 16.383.223.423

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	93.495.424.061	82.884.110.448
Thuế theo thuế suất Công ty	23.373.856.015	20.721.027.612
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác	(3.516.131.546)	(4.961.714.365)
Chi phí không được khấu trừ thuế	335.258.246	623.910.176
	20.192.982.715	16.383.223.423

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ đối với các hoạt động tại nhà máy của Công ty ở huyện Củ Chi chịu thuế 15%.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại ngày kết thúc năm, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông	73.302.441.346	66.500.887.025

(ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền

	2012	2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	52.249.922	39.660.574
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông đã phát hành	-	11.712.208
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	52.249.922	51.372.782

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có các cổ phần có tác động suy giảm tiềm ẩn.

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, Công ty hướng đến phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản cho các công ty con vay.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	19.151.047.673	23.510.364.659
Các khoản cho vay và phải thu	(iii)	706.210.347.529	659.379.328.180
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành	(iv)	300.490.604.674	321.444.110.630
		<u>1.025.851.999.876</u>	<u>1.004.333.803.469</u>

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay cho các công ty con nhằm hỗ trợ các công ty này trong giai đoạn phát triển. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng các khoản cho vay này có thể thu hồi khi các công ty con hoạt động hết công suất.

Các khoản phải thu

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	10.129.412.738	16.623.444.108
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.714.187.164	7.127.503.217
Quá hạn trên 180 ngày	1.082.215.512	2.642.581.958
	12.925.815.414	26.393.529.283

(iv) Bảo lãnh

Chính sách của Công ty là cung cấp các bảo lãnh tài chính cho các công ty con. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản bảo lãnh chưa thanh toán như sau:

Bảo lãnh	Bảo lãnh cho các khoản vay cấp cho	Số dư tại ngày	
		31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng Tiên Phong và Đại Dương	Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á	19.994.957.846	33.324.929.755
Ngân hàng HSBC	Công ty Cổ phần PET Quốc tế	3.668.019.300	13.859.031.177
Ngân hàng Bảo Việt	Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	106.332.827.183	136.713.603.183
Ngân hàng An Bình	Công ty Cổ phần PET Quốc tế	31.319.174.637	48.239.174.637
Ngân hàng Vietcombank	Công ty Cổ phần PET Quốc tế	100.000.000.000	89.307.371.878
Ngân hàng Vietcombank	Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	32.481.791.558	-
Ngân hàng Vietcombank	Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	6.693.834.150	-
		300.490.604.674	321.444.110.630

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	118.311.683.797	118.311.683.797	118.311.683.797	-	-
Vay ngắn hạn	439.631.871.391	449.863.332.841	449.863.332.841	-	-
Vay dài hạn	32.930.976.200	38.609.718.545	18.022.848.708	15.433.930.393	5.152.939.444
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	122.130.902.778	15.375.000.000	106.755.902.778	-
Nợ thuê tài chính	79.088.448.924	98.869.609.585	41.398.152.745	24.146.548.949	33.324.907.891
	769.962.980.312	827.785.247.546	642.971.018.091	146.336.382.120	38.477.847.335

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bán, mua và vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.163
Phải thu khách hàng	114.682
Phải trả người bán	(60.338)
Vay ngắn hạn	(3.515.385)
Nợ thuế tài chính	(171.439)
	<hr/>
	(3.616.317)

Tỷ giá được Công ty áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 20.812 VND đối 1 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 20.828 VND đối 1 USD).

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau, Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Nợ thuế tài chính	(79.088.448.924)	(55.514.108.253)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.151.047.673	23.510.364.659
Đầu tư ngắn hạn	530.985.619.136	390.830.619.136
Vay ngắn hạn	(439.631.871.391)	(518.612.112.419)
Vay dài hạn	(32.930.976.200)	(51.935.975.586)
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
	(22.426.180.782)	(256.207.104.210)

Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm sẽ làm tăng 1.915 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giả niệm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giả niệm yết trên thị trường năng động không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

33. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	2012 VND	2011 VND
Bán tài sản cố định hữu hình và thuê lại dưới dạng thuê tài chính	69.032.681.458	-
Xây dựng cơ bản dở dang mua lại bằng thuê tài chính	40.098.057.216	-
Tăng các khoản đầu tư vào công ty con bằng cách chuyển các khoản phải thu khác	-	5.969.380.864
Tăng các khoản cho các công ty con vay bằng cách chuyển các khoản phải thu khác	-	68.430.619.136

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty liên quan	Tính chất giao dịch	2012 VND	2011 VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á	Cho vay	26.955.000.000	103.200.000.000
	Mua hàng hóa	138.546.987	121.613.670
	Bán hàng hóa	91.478.000	7.579.652.639
	Cho mượn	2.650.000.000	-
	Thu nhập cho thuê	150.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	18.381.219.996	16.698.853.054
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Vay	51.000.000.000	148.694.989.700
	Mượn	33.000.000.000	-
	Chi phí lãi vay	1.003.500.000	-
	Ký quỹ	-	30.000.000.000
	Bán hàng hóa	497.474.800.247	386.500.713.514
	Mua hàng hóa	338.622.235.581	555.217.431.181
	Hàng bán bị trả lại	521.365.856	-
	Thu nhập cho thuê	493.000.000	2.240.000.000
	Chi phí thuê phải trả	420.000.000	-
	Cho vay	-	16.000.000.000
	Mua tài sản cố định hữu hình	-	20.574.835.723
	Thanh lý tài sản cố định hữu hình và công cụ và dụng cụ	-	152.551.430
	Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Góp vốn	-
Cho vay		121.600.000.000	273.300.000.000
Cho mượn		50.000.000	-
Hoa hồng đại lý		-	10.080.004.162
Thu nhập cho thuê		120.000.000	-
Chi phí thuê phải trả		174.000.000	-
Bán hàng hóa		248.140.100	1.427.547.610
Mua hàng hóa		59.049.204	-
Mua tài sản cố định hữu hình		41.666.672	-
Thanh lý công cụ và dụng cụ		-	2.146.085.208
Thu nhập lãi cho vay		37.832.631.552	26.320.745.699

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty liên quan	Tính chất giao dịch	2012 VND	2011 VND
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Thương	680.768.490	-
	Bán hàng hóa	128.540.319.274	106.858.313.268
	Mua hàng hóa	165.332.435.019	68.595.629.823
	Trà hàng	6.181.617	-
	Thanh lý phế liệu, công cụ và dụng cụ	760.798.137	1.446.218.548
	Thanh lý tài sản cố định	40.537.425	13.113.818.351
	Chi phí thuê phải trả	1.521.079.560	1.500.233.850
	Mua tài sản cố định hữu hình	56.538.567	-
	Ký quỹ	3.000.000.000	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Bán hàng hóa	16.111.838.400	-
	Mua hàng hóa	29.573.722.594	-
	Thu nhập cho thuê	1.680.000.000	-
	Cho mượn	18.000.000.000	-
	Góp vốn	29.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế	Bán hàng hóa	75.083.971.000	-
	Mua hàng hóa	37.211.266.000	-
	Thu nhập cho thuê	1.120.000.000	-
	Cho vay	15.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	792.500.000	-
Thành viên Ban Giám Đốc và Hội đồng Quản trị	Lương và thưởng	9.177.650.000	7.440.600.000

Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại Ngọc Nghĩa
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	732.503.936.357	782.215.596.566
Chi phí nhân công và nhân viên	56.527.478.490	77.660.063.096
Chi phí khấu hao và phân bổ	48.043.675.130	53.628.097.885
Chi phí khác	68.237.035.361	71.609.947.605

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2013



1